

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-02-2024

V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hữu.

2. Ông Nguyễn Hồng Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoàng Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2023 về việc “tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/02/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị H, sinh năm 19xx;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Nguyễn Phương A, sinh năm 19yy;

Địa chỉ: T, số A, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh A vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/11/2023 và ngày 27/11/2023, bản tự khai ngày 12/12/2023 và ngày 29/12/2023, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Phương A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 56/2015, ngày 12/8/2015.

Trong thời gian chung sống với nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, anh A không chăm lo cho vợ con, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không thể hòa hợp được. Chị H nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Phương A.

Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Phương A có 01 con chung tên Nguyễn Lê Phương N, sinh ngày 01/01/2017. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Lê Phương N.

Về cấp dưỡng: Chị Lê Thị H yêu cầu anh Nguyễn Phương A cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là 5.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/12/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Nguyễn Phương A đã được Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh A không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không lý do.

Theo Thông báo số 05/TB-VKS-DS ngày 01/02/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp thì Viện kiểm sát nhận thấy không cần thiết phải tham gia phiên tòa và đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Lê Thị H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh A và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con. Bị đơn, anh Nguyễn Phương A đang cư trú tại Phường A, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Lê Thị H và anh Nguyễn Phương A. Chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn anh A có mặt tại nơi cư trú nhưng anh A vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị H cung cấp và lời trình bày của chị H tại các đơn khởi kiện, bản tự khai, Hội đồng xét xử xét thấy chị H và anh A có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương vào ngày 12/8/2015 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H và anh A phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và sống xa nhau thời gian dài (05 năm) nhưng không hàn gắn tình cảm được, mỗi người có cuộc sống riêng, vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh A vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến nội dung vụ án và không có mặt tại phiên tòa để trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân cho thấy anh A không có thiện chí hòa giải, hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ, mà bỏ mặc, không quan tâm cũng như chưa cố gắng cứu vãn tình cảm vợ chồng, duy trì quan hệ hôn nhân của anh chị. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh con chung do chị H cung cấp cũng như lời trình bày của chị H tại các đơn khởi kiện, bản tự khai thì chị H và anh A có 01 con chung tên Nguyễn Lê Phương N, sinh ngày 01/01/2017. Hiện nay, con chung đang sống chung với chị H. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh A không có ý kiến về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Nguyễn Lê Phương N từ khi sinh ra đến nay đã sống chung với chị H, có cuộc sống ổn định. Hơn nữa, cháu N tuổi còn nhỏ, cần được sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn và điều này cũng phù hợp với ý kiến của cháu N tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 29/12/2023 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H về việc chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Lê Phương N là phù hợp với khoản 3 Điều 81 và Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Phương A không trực tiếp nuôi con chung nên để đảm bảo cho sự phát triển bình thường và quyền lợi về mọi mặt của con chung thì anh A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét mức cấp dưỡng nuôi con chung: Theo tài liệu, chứng cứ do chị H cung cấp thì mức chi hàng tháng cho các nhu cầu cần thiết của cháu Phương N gồm các khoản như sau: Tiền học bán trú 1.000.000 đồng, tiền sữa 1.000.000 đồng và tiền chi phục vụ ăn uống, sinh hoạt là 3.000.000 đồng. Tổng cộng 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, đây là mức chi hàng tháng cho nhu cầu cần thiết của con chung nên cả cha, mẹ đều phải có trách nhiệm ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và có căn cứ vào mức thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 71 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình. Theo tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập thì mức thu nhập hàng tháng hiện nay của anh A là 16.358.400 đồng, sau khi trừ tiền ăn và tiền bảo hiểm thì anh A thực nhận số tiền 13.395.128 đồng. Do vậy, anh Nguyễn Phương A phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức là 5.000.000 đồng : 2 = 2.500.000 đồng.

Về thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi có căn cứ chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị H là có một phần cơ sở chấp nhận.

[5] Xét tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh A vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 51, 56, 71, 81, 82, 83, 116, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 6 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Phương A. Chị H được ly hôn với anh A.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H, chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Phương N, sinh ngày 01/01/2017, hiện con chung đang sống chung với chị H.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Lê Thị H. Buộc anh Nguyễn Phương A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/02/2024) cho đến khi có căn cứ để chấm dứt việc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa trả đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000153 ngày 08/12/2023 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Phương A phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

7. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi

hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS ND TPCL;
- TAND tỉnh DT;
- UBND xã Tân Hưng, huyện
Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (khi
bản án có hiệu lực pháp luật);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Nữ Thu Hân